

| | | | |
|---------------------------|-------------------|---------------|---------------|
| Ngày 31/12/2024 | 15,150 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.0% | -12.4% | -23.9% |

| | | |
|------------|-------------|-------------------|
| 2024 | | |
| ROE | 7.8% | +/- YoY ▲ 2.7% |

| | | | |
|-----------------|--------------|-------------------------|-------------------------|
| Q4/24 | | | |
| DT thuần | 1,561 | QoQ ▲ 142 ▲ 10.0% | YoY ▼ 52.0 ▼ 3.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-------------|-------|---------------------------|
| 2024 | | |
| DT thuần | 5,427 | YoY ▲ 2,691 ▲ 98.4% |
| tỷ VNĐ | | |

| | | | |
|---------------|------------|-------------------------|--------------------------|
| Q4/24 | | | |
| LN gộp | 554 | QoQ ▲ 18.0 ▲ 3.3% | YoY ▼ 98.0 ▼ 15.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

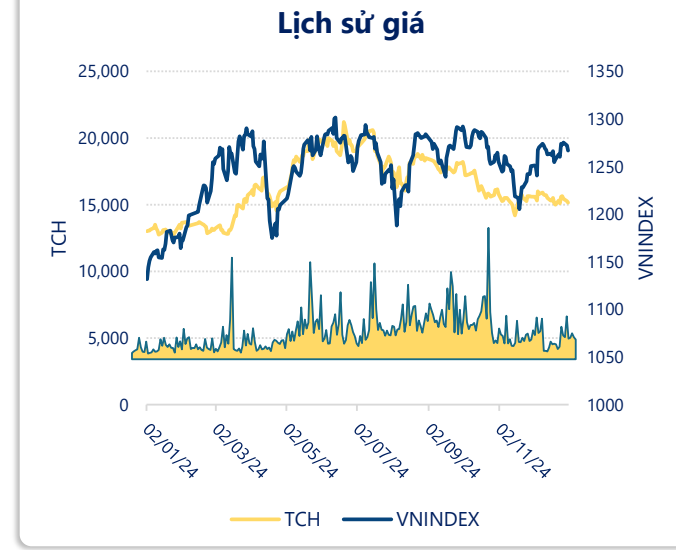
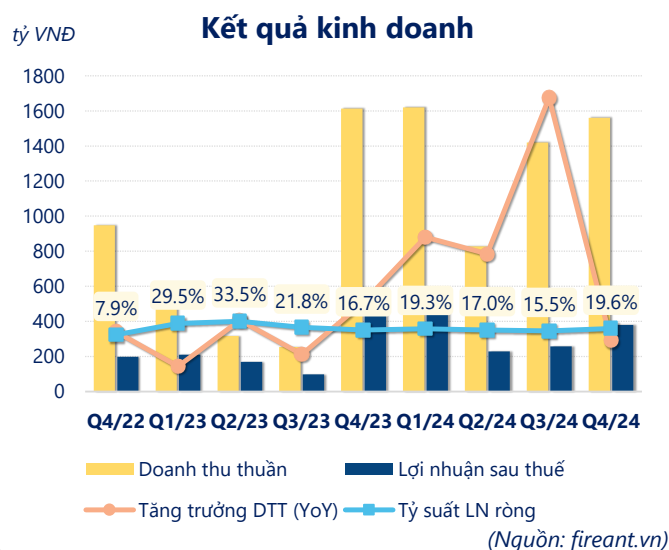
| | | |
|--------|--------|--------------------------|
| | 2024 | |
| LN gộp | 2,162 | YoY ▲ 1,156 ▲ 115% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| Q4/24 | | | |
| LN thuần | 481 | QoQ ▲ 55.0 ▲ 13.0% | YoY ▼ 94.0 ▼ 16.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

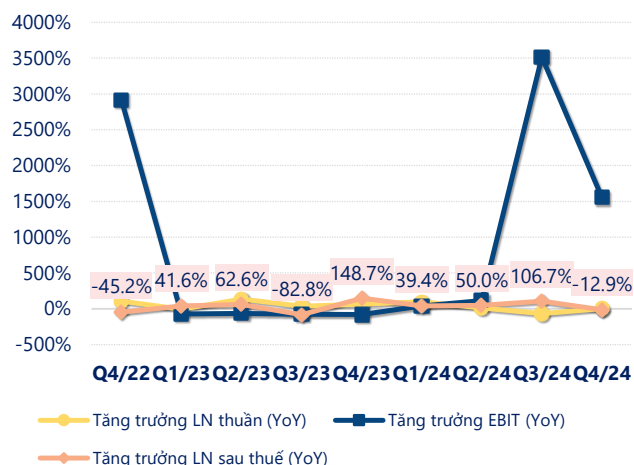
| | | |
|----------|-------|-------------------------|
| 2024 | | |
| LN thuần | 1,807 | YoY ▲ 642 ▲ 55.1% |
| tỷ VNĐ | | |

| | | | |
|--------------------|------------|-------------------------|--------------------------|
| Q4/24 | | | |
| LN sau thuế | 380 | QoQ ▲ 122 ▲ 47.2% | YoY ▼ 80.0 ▼ 17.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

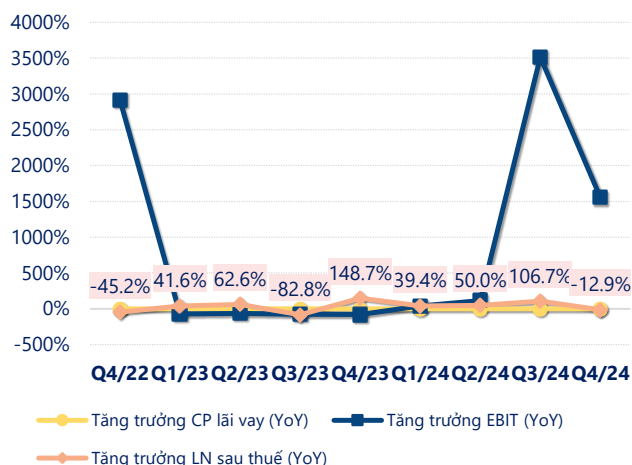
| | | |
|-------------|--------|-------------------------|
| | 2024 | |
| LN sau thuế | 1,383 | YoY ▲ 446 ▲ 47.6% |
| | tỷ VNĐ | |



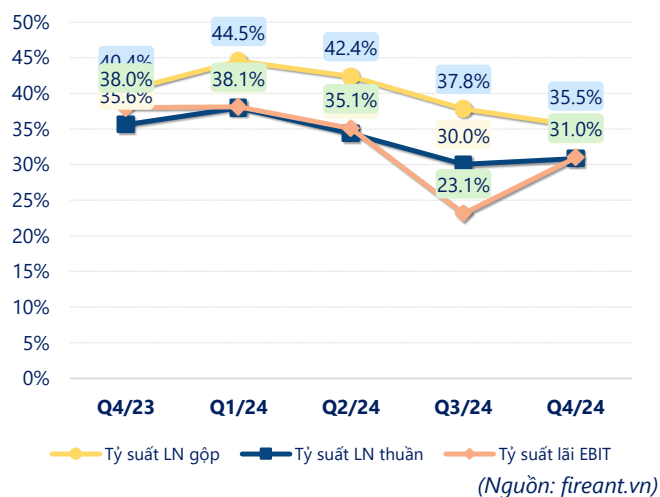
Tăng trưởng lợi nhuận



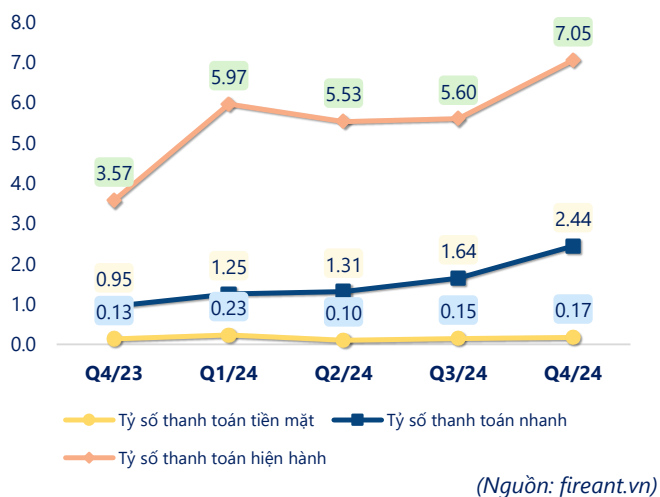
Tăng trưởng chi phí



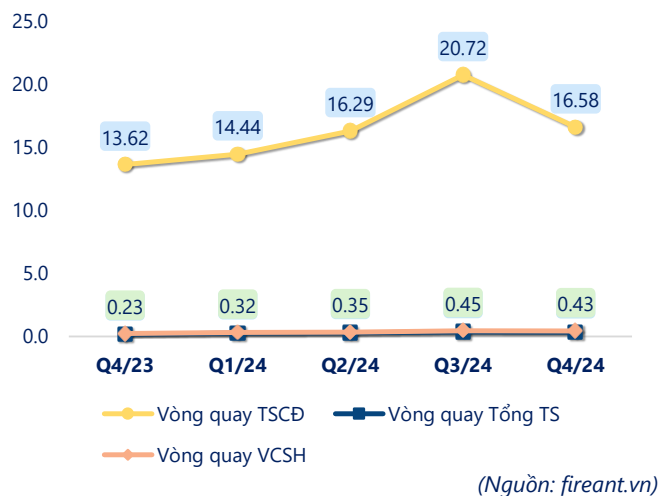
Tỷ suất lợi nhuận



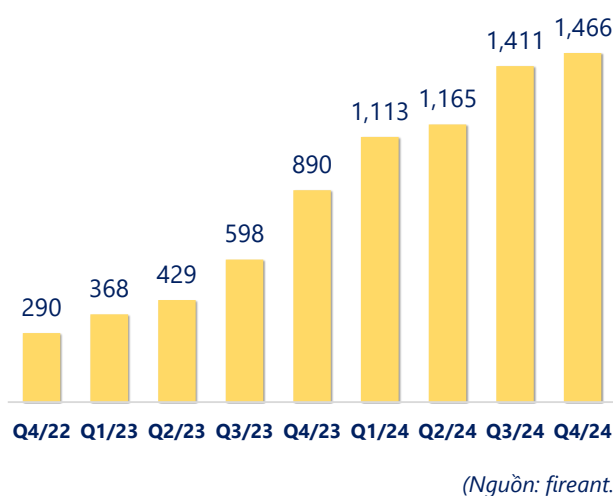
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q4/23 | Thay đổi YoY | 2024 | 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 1,561 | 1,613 | -3.2% | 5,427 | 2,736 | 98.4% |
| Giá vốn hàng bán | 1,007 | 961 | 4.8% | 3,265 | 1,730 | 88.7% |
| Lợi nhuận gộp | 554 | 652 | -15.1% | 2,162 | 1,006 | 115% |
| Doanh thu HĐTC | 32.7 | 86.7 | -62.2% | 126 | 452 | -72.0% |
| Chi phí TC | 9.49 | 34.0 | -72.1% | 9.13 | 53.7 | -83.0% |
| Chi phí lãi vay | 0.39 | 31.2 | -98.8% | -0.10 | 50.0 | -100% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 74.3 | 113 | -34.3% | 323 | 169 | 91.3% |
| Chi phí QLDN | 21.3 | 17.2 | 23.8% | 150 | 70.8 | 111% |
| LN thuần từ HĐKD | 481 | 575 | -16.3% | 1,807 | 1,165 | 55.1% |
| Lợi nhuận khác | 1.65 | 7.26 | -77.3% | -87.4 | 14.1 | -719% |
| LN trước thuế | 483 | 582 | -17.0% | 1,719 | 1,179 | 45.8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 380 | 460 | -17.5% | 1,383 | 937 | 47.6% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 307 | 270 | 13.5% | 980 | 594 | 64.8% |

(Nguồn: fireant.vn)

